Tác Giả: B.S. Nguy□n L□u Viên
Thứ Sáu, 17 Tháng 7 Năm 2009 03:50

L□i nói đ□u

C□ năm qua báo chí M□ th□□ng hay nói t□i vi□c m□t giá c□a đ□ng dollar, t□i vi□c m□c n□ c□a chánh ph□ M□, r□i hay nh□c t□i Federal Reserve, và t□i tên c□a Ông Greenspan. Tôi không có h□c ÉcoPo c□a Pháp, không có h□c MBA c□a M□ nên mù t□t. Nh□ng vì tò mò mu□n hi□u bi□t, nên tôi đã c□ g□ng tìm tòi, h□c h□i đó đây. Thì m□i th□y r□ng v□n đ□ ti□n t□ c□a M□ là c□ m□t mê-l□ có đ□□ng h□m, [un vrai labyrinthe avec des souterrains] m□t con đ□□ng máng d□n ch□ng ch□t mà n□u đi không có b□n ch□ d□n thì s□ d□ b□ l□c.

R□i tôi nghĩ r□ng trong s□ đ□c gi□ c□a Y T□ Nguy□t San ch□c cũng có m□t ít b□n đ□c mù t□t nh□ tôi, nh□ng không có thì gi□ đ□ nghiên c□u đó đây nh□ tôi, nên tôi vi□t bài này tóm l□□c và gi□n-d□ -hóa t□i đa m□t v□n đ□ vô cùng ph□c t□p đã kéo dài theo l□ch s□ c□a Hoa-k□, đ□ giúp ph□n nào các b□n □y hi□u s□ s□ v□n đ□ v□ đ□ng dollar là m□t th□c th□ mà mình ph□i đ6í phó h□ng ngày.□ Tôi s□ dùng ph□□ng pháp hõi và đáp [H & Đ] đ□ d□n d□□ng quý b□n đi trên mê l□ và trong d□□ng h□m □y.□□

Tôi xin l□u ý quý b□n: Vì trong bài có vài ba c□m-t□ đ□□c nh□c đi nh□c l□i nhi□u l□n nên tôi s□ vi□t t□t các c□m t□ □y nh□ sau: FED là Federal Reserve, CPLB là Chánh Ph□ Liên Bang, HCQHK là Hi□p Chũng Qu□c *Hoa-K□ USA□ và T.T. là T□ng Th□ng.*

I- T□o ra ti□n [create money].

H-: Dollar là ti□n chính th□c c□a HCQHK. Vây □ bên M□ c□ quan nào có quiy□n phát hành dollar?

Đ-: Câu tr□ l□i t□ nhiên và thông th□□ng mà cũng h□p lý là B□ Tài Chánh c□a CPLB. Nh□ng trên th□c t□ thì không h□n nh□ v□y. B□ Tài Chánh c□a CPLB ch□ có quy□n phát hành “coins” nghĩa là đúc [mint] các d□ng ti□n One Cent, Five Cents, One Dime, One Quarter, và m□t s□ đ□ng ti□n One Dollar.

H-: V□y thì c□ quan nào có quy□n phát hành gi□y xanh dollar?

Đ-: Ch□ có Federal Reserve [FED] m□i có quy□n phát hành gi□y xanh dollar.

H-: Tôi th□y trên gi□y xanh dollar nào cũng có hình c□a m□t ông T□ng Th□ng M□, cũng có ch□ ký tên c□a “Treasurer of the United States”, và c□a “Secretary of the Treasury” mà không ph□i do Department of Treasury c□a CPLB phát hành là gì ?

Đ-: Vâng, coi v□y mà không ph□i v□y. Trên gi□y xanh dollar nào cũng có in hàng ch□ “Federal Reserve Note” mà ch□ note □ đây có nghĩa là “ a paper acknowledging a debt and promising payment; promissory note”. T□c là t□ gi□y xanh dollar nào cũng là m□t t□ gi□y n□.

H-: Ai n□ ai?

Đ-: Chánh Ph□ Liên Bang n□ FED.

H-: Sao l□i có chuy□n đó?

Đ-: S□ tiên CPLB c□n luôn luôn nhi□u h□n s□ ti□n thu□ c□a dân đóng góp, nên CPLB ph□i m□□n. M□□n ai? M□□n FED là c□ quan duy nh□t có quy□n phát hành ti□n dollar. M□□n b□ng cách nào? B□ng cách cho phép B□ Tài Chánh [The Treasury Department] in gi□y n□ d□□i hình

th□c "Federal Bonds" [là gi□y IOU (I Owe You) trong đó chánh ph□ cam k□t s□ tr□ l□i v□i ti□n l□i] [mà bách-phân l□i (% interest) là do FED. ch□ n□, quy□t đ□nh]. FED ch□p nh□n và in [thí d□ nh□ m□t t□ dollars $1 billion] đ□a cho chánh ph□. Th□ là chánh ph□ [t□c là qu□c gia, là dân M□] n□ FED m□t t□ dollars v□i ti□n l□i. R□i m□i năm ti□n n□ đó ch□ng ch□t lên nên đ□n năm 1995 s□ ti□n n□ là $5 trillion [1 trillion là 1 ngàn t□] và đ□n ngày 16-th.3-2006 là h□n $8,21 trillion.

H-: FED là m□t c□ quan c□a Liên Bang, v□y CPLB mà n□ FED thì có khác gì là "Tôi n□ Tôi".

Đ-: Khác, vì FED là m□t c□ quan mang tên là "Liên Bang" [Federal] nh□ng không ph□i c□a Liên Bang. FED là m□t công-ty đ□c l□p c□a t□-nhân [a corporation independent privately owned].

H-: Privately owned thì ai own nó?

Đ-: Federal Reserve [FED] g□m có 12 cái Fed bank đ□a ph□□ng [twelve regional federal reserve banks] m□i cái là s□-h□u c□a nh□ng nhà bank buôn bán t□ thành viên c□a cái Fed đ□a ph□□ng đó Các Fed đ□a ph□□ng có tr□ s□ □: 1- Boston, 2-New York, 3-Philadelphia, 4-Cleveland, 5-St Louis, 6-San Francisco, 7-Richmond, 8-Atlanta, 9-Chicago, 10- Minneapolis, 11- Kansas City và 12-Dallas.

Fed Bank c□a New York có đa s□ c□ ph□n [53% of shares]. Mà trong Fed bank c□a New York, Citibank và J.P.Morgan Chase Co n□m đa s□ c□ ph□n. Citibank là c□a gia-đình Rockefeller và J.P. Morgan Chase Co là c□a gia-đình Morgan. Hai gia đình này và gia đình Carnegie v□i gia đình Rothschild là thành ph□n quan tr□ng nh□t c□a m□t nhóm ng□□i mà hoc gi□ M□ g□i là "the Robber Barons" [nh□ng Nam-t□□c Tr□m C□p].

H-: Nh□ng trong Ban Qu□n Tr□ [Board] c□a FED □ Washington có Ông T□ng Tr□□ng Tài Chánh [the Treasury Secretary] và Ông Giám Sát Ngân Kh□ [the Comptroller of Treasury] là nhân viên chánh ph□.

Đ-: Vâng, vì v□y mà trên các gi□y xanh dollar có ch□ ký tên c□a hai ông này. Và T.T. M□ cũng b□ nhi□m [v□i s□ ch□p thu□n c□a Senat] ông Ch□ T□ch H□i Đ□ng Qu□n Tr□ [Chairman of The Governing Board] c□a FED, cho nên FED đ□□c coi nh□ là m□t c□-quan "g□n nh□ chính th□c" [quasi-governmental]. H□i Đ□ng này g□m có 7 ng□□i, v□i nhi□m k□ là 14 năm, mà T□ng Th□ng ch□ có quy□n thay th□ m□t ng□□i m□i hai năm.

Nh□ v□y, thí d□ nh□ có m□t ông T.T. mu□n s□a đ□i FED theo ý c□a ông, thì trong nhi□m k□ 4 năm c□a T. T, ông ch□ thay th□ đ□□c có 2 ng□□i [vì ông ch□ có quy□n thay th□ m□t ng□□i m□i 2 năm.] Thôi thì cho r□ng ông □y là m□t ông T. T. tài ba l□i l□c, v□□t qua đ□□c nh□ng khó khăn và nh□ng ch□ng đ□i mà ông đã gây ra [vì quan ni□m mu□n s□a đ□i FED], trong hàng ngũ dân-bi□u và ngh□ sĩ c□a c□ hai đ□ng, trong chính tr□□ng và trong media, đ□ ông đ□□c đ□c c□ m□t nhi□m k□ th□ hai, thì ông s□ b□ nhi□m đ□□c 2 ng□□i n□a trong Governing Board (n□u đ□□c the Senate ch□p thu□n) thì cho đ□n g□n cu□i nhi□m k□ 2, ông m□i đ□a ra đ□□c m□t d□ lu□t s□a đ□i, mà ch□a ch□c d□ lu□t □y s□ có đ□□c s□ phi□u c□n thi□t □ hai vi□n đ□ tr□ thành m□t đ□o lu□t tr□□c khi ông ph□i r□i kh□i Nhà Tr□ng.

M□t khác ban Qu□n Tr□ [Board] không ki□m soát đ□□c c□ 12 Fed bank đ□a ph□□ng và các Fed bank đ□a ph□□ng ph□i theo chánh sách c□a Fed Bank New York n□m đa s□ c□ ph□n. Vã l□i FED k□ t□ khi thành l□p cho t□i nay, ch□a bao gi□ b□ chánh ph□ "audit"[soát xét] vì năm 1975 d□ lu□t [bill] H.R.4316 cho phép chánh ph□ "audit" FED, đ□□c đ□a ra Congress, nh□ng d□ lu□t không qua đ□□c vì không đ□ phi□u.

H□y xem nh□ ông Alan Greenspan đang làm giám đ□c công ty [corporate director] cho J.P. Morgan, thì đ□□c T.T. Reagan b□ nhi□m năm 1987 làm Ch□ T□ch c□a FED, gi□ ch□c đó g□n 19 năm, đ□n năm 2006 d□□i th□i T.T.George W. Bush m□i v□ h□u. Ngh□a là đã làm Ch□ T□ch H□i Đ□ng Qu□n Tr□ FED v□i b□n T.T. Mà trong lúc t□i ch□c Ông không bao gi□ có h□p báo, không bao gi□ cho ph□ng v□n, t□c là không có vi□c h□i han ch□t v□n lôi thôi.

H-: Tr□ l□i đ□ng dollar. Bây gi□ tôi m□i bi□t r□ng CPLB ch□ có quy□n đúc coins, còn quy□n phát hành gi□y xanh là c□a FED, mà FED thì b□ các nhà bank t□ n□m. V□y trong t□ng s□ ti□n c□a M□, t□-l□ c□a m□i th□ ti□n là bao nhiêu?
Đ-: Ti□n coin c□a CPLB đúc ch□ là l□i m□t ph□n ngàn t□ng s□ ti□n c□a M□, c□ng v□i t□ng s□ ti□n gi□y xanh c□a FED phát hành, thành ra cái đ□□c g□i là "ti□n s□ th□y đ□□c" [tangible currency] ch□ có l□i 10% t□ng s□ ti□n đ□□c cung c□p [American Money Supply]
H-: Sao k□ v□y? Còn 90% kia là ti□n gì □ đâu ra?
Đ-: Ph□n 90% còn l□i là ti□n ma [phantom money].
H-: Ti□n ma là ti□n gì?
Đ-: Là ti□n không có th□t, là ti□n đ□□c t□o ra t□ ch□ không có gì h□t [money created from nothing], do cái trò □o-thu□t cho vay [g□i là "loan"] t□o ra.
H-: Th□t s□ tôi không hi□u đ□□c.
Đ-: Th□c ra thì cũng không có gì khó hi□u cho l□m. Trò □o thu□t t□o ra ti□n t□ con s□ không [create money out of nothing] d□a trên cái g□i là "fractional reserve banking" do đao-lu□t t□o ra FED [Federal Reserve Act] cho phép. Theo đó thì khi mà nhà bank có trong kho c□a nó m□t s□ ti□n X là ti□n th□t [h□i x□a là vàng, bây gi□ là gi□y xanh] đ□□c coi nh□ là đ□ d□-tr□ [reserve], thì nó có quy□n phát ra 10 X [t□c là có 9 X ti□n ma, không có b□o đ□m reserve].
 Thí d□ nh□ tôi g□i vào nhà bank trong checking account c□a tôi $ 10,000 thì nhà bank đ□ s□ ti□n đó trong kho c□a nó nh□ reserve, và nó có quy□n phát ra $100,000 [t□c là trong đó có $ 90,000 là ti□n ma, vì không có reserve b□o đ□m] Cũng nh□ th□, Anh B đ□ vào bank trong saving account $ 20,000, thì nhà bank có quy□n phát ra $200,000 [t□c có $180,000 là ti□n ma]. T□ng c□ng nhà bank có quy□n phát ra $300,000 mà trong đó có $270.000 là ti□n ma. R□i khi Anh C đ□n m□□n nhà bank $300,000 [đ□ mua nhà, s□a nhà hay làm gì khác] thì nhà bank cho □nh m□□n [d□□i hình th□c loan] $300,000 đó. Anh C s□ tr□ cho nhà bank s□ ti□n đó c□ng v□i l□i [x %] d□□i hình th□c mortgage h□ng tháng, trong 15 hoac 30 năm ch□ng h□n, b□ng ti□n dollar th□t, mà Anh C có đ□□c nh□ l□□ng c□a Anh C, ho□c nh□ vi□c làm [nh□ phòng m□ch] c□a Anh. T□c là nhà bank, nh□ cái □o-thu□t c□a "loan" đã "create money out of nothing".
 Thí d□ trên là l□y cá nhân A, B, C làm m□u, nên ch□ nói t□i ti□n v□i con s□ ngàn, n□u là nhà buôn, là nhà hàng, là hãng, là c□ s□ s□n xu□t, thì ti□n ph□i là t□i s□ tri□u. Mà c□ HCQHK có h□ng bao nhiêu tri□u cá nhân, nhà buôn, hãng, x□□ng v.v. cân ti□n và ph□i vay ti□n c□a nhà bank d□□i hình th□c "loan" thì không có gì l□ khi th□y r□ng trong t□ng s□ ti□n cung c□p cho n□n kinh t□ M□ [american money supply] năm 2005 là $9.7 trillion trong đó ti□n th□t [tangible currency] ch□ có $ 1.4 trillion, còn $8.3 trillion là ti□n ma. Và sau này nguyên t□c đó cũng đ□□c áp d□ng cho vi□c dùng credit card [Visa, Master Card, American Express v.v.] v□i m□t l□i x□□t [% interest] còn cao h□n g□p b□i.

II- M□t chút l□ch s□.

H-: T□ đâu, t□i sao, và t□ h□i nào m□i có cái quái thai đó?
Đ-: Anh nói là "quái thai" thì cũng đúng, nh□ng h□c gi□ M□ th□□ng ví FED nh□ m□t con "Hydra". Theo t□-đi□n Hydra là m□t con r□n có chín đ□u [trong th□n thoi] h□ ch□t đ□u này thì nó m□c đ□u khác, và nó có nhi□u cái vòi [tentacles] r□t dài đ□ b□t m□i t□ xa. FED [con hydra d□□i hình th□c hi□n t□i] sanh ra nh□ cái Federal Reserve Act năm 1913 do T□ng Th□ng Woodrow Wilson ký [v□ sau ông h□i ti□c]. Còn t□ đâu và t□i sao có nó, thì ph□i xem l□i h□t cái l□ch s□ c□a HCQHK vì trong dĩ vãng nó cũng đã b□ ch□t đ□u nhi□u l□n, m□i l□n l□i s□ng l□i v□i m□t tên khác.
H-: Anh có th□ tóm t□t cho chúng tôi bi□t m□t chút không?
Đ-: Tôi s□ c□ g□ng tóm l□□c t□i đa m□t câu chuy□n dài m□y th□ k□ và chi□m vài trăm trang trong m□i sách nói đ□n chuy□n □y mà tôi có d□p đ□c.

□ Trung h□c chúng ta h□c trong sách r□ng HCQHK h□i x□a là 13 thu□c đ□a c□a Anh-qu□c. Đ□n năm 1774, đ□ ph□n đ□i vi□c m□u-qu□c Anh đánh thu□ vào trà [tea tax] m□t bu□i tiêc trà đ□□c t□ ch□c □ Boston [Boston Tea Party]. Trong d□p đó m□t s□ ng□□i M□ gi□ làm ng□□i Da-đ□ nh□y lên tàu ch□ trà và v□t các thùng trà xu□ng bi□n. B□ chánh quy□n cai tr□ đàn áp, nh□ng đòan dân quân đ□□c thành l□p đ□ ch□ng tr□ l□i, và Ông Benjamin Franklin tri□u t□p m□t H□i Ngh□ g□i là Congress □ Philadelphia đ□ đ□a ra "B□n Tuyên Ngôn Quy□n C□a Ng□□i M□ Có Đ□ng Thu□" [Delaration des Droits du Contribuable Americain] năm 1774. Sau đó, v□i s□ chi□n th□ng c□a đoàn dân quân c□a Massachusetts, Congress cho ra B□n Tuyên Ngôn Đ□c Lâp [Déclaration d'Indépendance ngày 4-th7-1776.] R□i d□□i s□ ch□ huy c□a T□□ng George Washington, quân M□ đánh th□ng quân Anh d□□i quy□n T□□ng Cornallis □ Georgetown năm 1781, và theo Hòa □□c Versailles năm 1785 Anh-Qu□c công nh□n cho HCQHK đ□c l□p.

Nh□ng sau này m□t s□ h□c gi□, sau khi đ□c k□ l□i nh□ng tác ph□m c□a chính ông Benjamin Franklin vi□t h□i th□i □y, m□i th□y là s□ th□t ph□c t□p h□n nhi□u.

1-Vì không có ti□n vàng hay b□c, nên k□ t□ năm 1691, các thu□c đ□a c□a Anh trên đ□t M□ phát hành ti□n gi□y g□i là "Colonial Scrip" đ□ tr□ l□□ng cho công ch□c và đ□ cho dân xài trong vi□c mua bán trao đ□i hàng hóa tr□ ti□n công v.v. Mà ng□□i ch□ nhà in l□i chính là Ông Benjamin Franklin, ng□□i làm vi□c cho dân, vì dân, không tìm cái l□i cái l□i trong vi□c in gi□y b□c nên ch□ phát hành đúng theo nhu c□u, c□n bao nhiêu thì phát hành b□y nhiêu, nên không c□n l□y thu□ c□a dân đ□ chánh ph□ có ti□n, mà không t□o ra s□ l□m phát [inflation] hay s□ kém phát [deflation] nên giá v□t và giá công [product and service] v□n đ□□c đ□u hòa và thăng b□ng Nh□ v□y mà các thu□c đ□a tr□ nên r□t ph□n th□nh, không có th□t nghi□p, không có ăn mày, trong lúc mà □ London c□a m□u-qu□c ngoài đ□□ng có đ□y ăn mày và ng□□i đi lang thang lêu l□ng [The streets are covered with beggars and tramps]. Thì các ch□ nhà bank Anh [the British bankers] lobby tri□u đình, nên năm 1751, vua George II ra l□nh c□m các thu□c đ□a phát hành ti□n gi□y, mà ph□i dùng ti□n "coins" c□a m□u-qu□c [do các nhà bank Anh đã h□p thành m□t th□ d□□i tên là Bank of England phát hành]. Vua George III k□ v□ vua cha t□ năm 1752 gi□ nguyên lênh □y. Thì các thu□c đ□a b□ □nh h□□ng tai h□i. Vì thi□u ti□n coins [do m□u qu□c si□t đ□ t□o s□ kém phát deflation], ng□□i làm ru□ng hay tr□ng t□a không có đ□ ti□n m□□n ng□□i làm nên lúa không ai g□t, trái không ai hái. Ng□□i có h□ng x□□ng không đ□ ti□n m□□n th□, hàng hóa không đ□□c s□n xu□t. C□ dân trong m□t vùng đ□t r□ng l□n c□a 13 thu□c đ□a b□ nghèo đói không gia đình nào không b□ □nh h□□ng, nên h□ đ□ng lên ch□ng đ□i chánh quy□n và đó là nguyên do sâu xa c□a cu□c Cách M□ng M□ năm 1774. Cái"Boston Tea Party" ch□ là gi□t n□□c làm tràn cái bình.

2- Vi□c đ□u tiên Congress làm là phát hành ti□n gi□y đ□□c g□i là "the Continental" d□□i hình th□c IOU [I owe you.] nghĩa là gi□y n□ mà Chánh Ph□ Cách M□ng cam k□t s□ tr□ l□i b□ng ti□n coins [vàng hay b□c] sau này. L□i ch□ng 200 tri□u dollars d□□i hình th□c "continental scrip" đ□□c phát hành đ□ chi phí cho cu□c chi□n giành đ□c l□p. Thì m□u qu□c ph□n □ng b□ng cách in ti□n gi□ đ□ đ□ ào □t vào th□ tr□□ng các thu□c đ□a, gây ra môt cu□c đ□i-l□m-phát, làm cho đ□n ngày đ□c l□p ti□n "the Continental" h□u nh□ không còn giá tr□ gì h□t. Th□ là m□u-qu□c thua trên chi□n tr□□ng, nh□ng th□ng trên m□t tr□n kinh t□ [dính li□n v□i tài chánh].

3- Vì th□y ti□n Continental g□n nh□ không còn giá tr□, nên các nhà "Qu□c Ph□ L□p Qu□c [the Founding Fathers], không còn tin t□□ng n□i gi□y b□c, nên trong Hi□n Pháp đ□□c vi□t ra, các ngài không nói t□i ti□n gi□y mà ghi r□ng Congress có quy□n "coin money" [thay vì "create money"] và có quy□n vay ti□n d□a trên uy tín c□a chánh ph□ ["and to borrow money on the credit of the United States]. Thì các nhà bank c□a m□u-qu□c Anh c□, là các ngân hàng Anh qu□c t□ nhân; xâm nh□p vào HCQHK t□o d□ng US Bank theo m□u c□a England Bank. Mà England Bank t□ th□i thành l□p cho đ□n ngày hôm nay là do các nhóm tài phi□t t□ nhân g□c gác Hòa-lan

[Amsterdam] n□m và chính các nhóm này xâm nh□p vào h□ th□ng US Bank, khai thác l□ h□ to tát đó [the enormous loophole] mà nói r□ng chi□u theo Hi□n Pháp chánh ph□ ch□ có quy□n phát hành coins, và nhà bank có quy□n phát hành ti□n gi□y. Vì ti□n coins thì c□ng k□ng và quá n□ng khi c□n t□i nhi□u, nên nhà bank in gi□y cam két s□ tr□ l□i đúng s□ coins [b□ng vàng hay b□c] ghi trên gi□y, thì dân ch□p nh□n coi nh□ng gi□y □y nh□ là ti□n.

4- R□i v□i th□i gian qua, các nhà bank đ□ ý r□ng r□t ít ng□□i tr□ l□i nhà bank đ□ đòi l□y l□i đ□ng ti□n coins. Trung bình h□ng năm ch□ có đ□ 10% ng□□i làm vi□c đó, còn 90% ng□□i còn l□i thì không bao gi□ th□y đ□n đòi l□y l□i ti□n coins. Thì nhà bank nghĩ r□ng mình có th□ phát hành thêm 90% n□a mà không sao. Đó là ngu□n g□c c□a cái g□i là “fractional reserve” d□n t□i vi□c phát hành ti□n ma.

5- T□ng Th□ng Thomas Jefferson (1801-1809) v□ T.T. th□ ba c□a M□ th□y cái nguy h□i cho đ□t n□□c và g□i liên đòan các nhà bank [the banking cartel] là ”m□t con quái v□t ăn th□t ng□□i có cái đ□u c□a con hydra” và Ông nói r□ng “N□u dân M□ đ□ cho nhà bank ki□m soát vi□c phát hành ti□n t□ c□a mình, thì tr□□c h□t b□ng s□ l□m phát [inflation] r□i b□ng s□ kém phát [deflation] các nhà bank và các công ty [corrporations] s□ phát tri□n và t□□c đo□t h□t tài s□n c□a dân, thì con cháu chúng ta s□ th□c d□y vô gia-c□, trên cái l□c đ□a mà cha m□ c□a chúng đã chi□m đ□□c.” Nên năm 1811 Congress không ch□p nh□n tái ban cho đ□c quy□n [renew the charter] cho First U.S.Bank. Thì chi□n tranh v□i Anh qu□c [the War of 1812] bùng n□. Chi□n tranh đ□a qu□c gia đ□n s□ l□m phát [inflation] và n□ n□n [debt]. Vì nh□ng lý do đó, T□ng Th□ng James Madison (1809-1817) v□ T.T. th□ t□ c□a M□, ph□i ký m□t đ□c quy□n 20 năm [a twenty year charter] cho Second Bank of The United States vào năm 1816.

6- T□ng Th□ng Andrew Jacksaon (1829-1837) v□ T.T. th□ 7 c□a M□ veto d□ lu□t c□a Congress cho phép tiép t□c ban đ□c quy□n cho Second Bank of the United States. Trong b□n veto Ông vi□t:” Không có cái gì nguy h□i cho s□ t□ do và đ□c l□p c□a chúng ta h□n là khi mà h□ th□ng nhà bank n□m trong tay c□a ng□□i ngo□i qu□c. Ki□m soát ti□n t□ c□a chúng ta, l□y ti□n c□a dân ta, và b□t gi□ c□ ngàn công dân c□a chúng ta ph□i l□ thu□c, thì còn đáng s□ h□n và nguy hi□m h□n là m□t th□y binh hay m□t quân đ□i c□a đ□ch”.

Nh□ng Ông cũng bi□t cái veto ch□ là b□□c đ□u c□a cu□c chi□n v□i nhà bank nên Ông nói: “ Con hydra c□a s□ đ□i b□i m□i b□ ch□n l□i ch□ ch□a ch□t”. Ông ra l□nh cho Ông T□ng Tr□□ng Tài Chánh [Treasury Secretary] m□i c□a Ông, chuy□n h□t ti□n deposits c□a chánh ph□ t□ Second US Bank qua các nhà bank c□a Ti□u Bang [state banks] thì ông này t□ ch□i không làm. Ông T.T. cách ch□c ông □y, và b□ nhi□m m□t ng□□i khác Ông này cũng t□ ch□i không làm thì T.T. Jackson b□ nhi□m ng□□i th□ ba, Ông này thi hành l□nh nên T.T. Jackson vui m□ng mà nói: “ Tôi đã trói đ□□c con quái v□t r□i” Nh□ng ông ch□ nhà Bank, lobby đ□□c Senat không ch□p thu□n ng□□i đ□□c T□ng Th□ng b□ nhi□m và gây ra m□t cu□c kh□ng ho□ng kinh t□ v□i vi□c si□t ch□t s□ cung c□p ti□n, đ□ t□o ra m□t s□ kém phát [deflation] b□ng cách h□i [call in] các “loan” cũ, không cho thêm “loan” m□i, nên m□t s□ ho□ng h□t tài chánh [a financial panic] x□y ra trong dân chúng, thì báo chí l□i đ□ t□i vào đ□u T□ng Th□ng Jackson. Nh□ng may thay Ông Governor c□a Pennsylvania [là n□i có tr□ s□ c□a nhà bank] xu□t hi□n đ□ □ng h□ T. T. Jackson và phê bình nhà bank r□t g□t gao và k□ ho□ch làm lũng đ□an kinh t□ c□a nhà bank b□ ph□i bày tr□□c công chúng.

Cho nên đ□n tháng 4- 1834 H□ Vi□n [House of Representatives] v□i 134 phiéu thuân và 82 phiéu ch□ng, đã h□y b□ vi□c tái ban đ□c quy□n [rechartering] cho Second U.S.Bank. Đ□n tháng 1- 1835 thì T.T. Jackson tr□ đ□□c h□t các n□ c□a chánh ph□. R□i ngày 30-th.1- 1835, khi T.T. Jackson đ□n Capitol đ□ d□ tang l□ c□a Dân-bi□u Warren R. Davis c□a South Carolina thì ông b□ m□u sát b□i m□t tên th□ s□n “điên”(?) núp trong rotunda cách Ông có sáu feet b□n hai phát đ□u

tr□t. Nh□ng sau khi T.T. Jackson đóng c□a nhà bank trung □□ng [Central Bank] thì ti□n gi□y đ□□c dùng là nh□ng banknotes c□a c□a các nhà banks t□ c□a các Ti□u Bang, h□a s□ tr□ l□i b□ng vàng hay b□c ch□ không ph□i là ti□n c□a qu□c gia [national currency].

7- Sau T.T. Jackson, ông t□ng th□ng dám đánh con hydra ti□n t□ là T.T. Abraham Lincoln (1861-1865), v□ T.T. th□ 16 c□a M□. Li□n sau khi Ông đ□c c□ và tr□□c khi Ông nh□m ch□c thì N□i Chi□n Nam-B□c [The Civil War] bùng n□ (1860) vì v□n đ□ "Nô-l□" [Slavery]. Các nhà bank c□a v□ng Đông [t□c là thu□c v□ Union] đ□ nghi cho chánh ph□ vay $150 tri□u v□i bách phân l□i quá n□ng t□ 24 t□i 26%. T. T. Lincoln t□ ch□i và quy□t đ□nh chánh ph□ s□ in ti□n l□y. Ti□n in ra có tên chính th□c là "United Note' nh□ng dân chúng quen g□i là "Greenback" vì phía sau in b□ng m□c màu xanh lá cây. Ti□n đ□□c quan ni□m không ph□i là m□t gi□y n□ [IOU] v□i cam k□t tr□ l□i b□ng vàng hay b□c, mà là m□t t□ gi□y ch□ng nh□n công lao cho xã h□i. Công lao s□n xu□t [product] t□ lúa g□o, trái cây cho t□i v□i s□ và v□t d□ng, công lao d□ch v□ [service] t□ th□, cai, đ□n giám đ□c, công lao b□o v□ an ninh tr□t t□, và gìn gi□ đ□t n□□c, t□ lính c□nh sát đ□n lính và quan trong quân đ□i, công lao đi□u khi□n b□ máy cai tr□, t□ th□ ký đ□n giam đ□c đ□n nguyên th□ qu□c gia. Lãnh l□□ng là lãnh gi□y ch□ng nh□n công lao, đ□ mua th□c ăn đ□ dùng là trao gi□y ch□ng nh□n công lao c□a mình đ□ nh□n l□y món hàng đ□□c s□n xu□t v□i công lao t□□ng đ□□ng c□a ng□□i bán.

Vì ti□n đ□□c in ra v□a đúng nhu c□u c□a dân, cho dân, và vì dân, ch□ không ph□i cho hay vì t□ l□i nào h□t, cũng nh□ h□i th□i Ông Benjamin Franklin lúc Hoa k□ còn là 13 thuộc đ□a ph□n th□nh, nên trong có b□n năm t□i ch□c mà ngoài vi□c chi□n th□ng l□an Mi□n Nam đ□□c Anh giúp ti□n, và vi□c gi□i phóng b□n tri□u ng□□i nô l□, T.T. Lincoln đã th□c hi□n cho n□□c M□ nh□ng công tác vĩ đ□i nh□: xây d□ng và võ trang m□t quân đ□i l□n nh□t th□ gi□i lúc b□y gi□, bi□n Hoa-k□ thành m□t n□□c k□-ngh□ kh□ng l□ [industrial giant], k□ ngh□ thép [steel industry] đ□□c thành l□p, m□t h□ th□ng h□a-xa xuyên luc-đ□a d□□c xây d□ng, B□ Canh Nông đ□□c thành l□p đ□ thúc đ□y viêc ch□ t□o máy và d□ng c□ làm ru□ng r□ ti□n, m□t h□ th□ng đ□i h□c mi□n phí đ□□c thành l□p nh□ Land Grant College System, l□p lên nh□ng b□ máy hành chánh cho các vùng Mi□n Tây, tăng múc s□n xu□t lao đ□ng [labor productivity] lên t□ 50 đ□n 75 %. T□t c□ nh□ng viêc □y th□c hi□n đ□□c là nh□ có m□t vi□c r□t gi□n d□ là chính chánh ph□ phát hành ti□n. T□c là cái đ□u c□a con hydra ti□n t□ đã b□ T.T.Lincoln ch□t.

Nh□ng đ□n ngày 14-th.4-1865, thì m□t k□ch-sĩ tên là John Wilkes Booth ám sát T.T. Lincoln trong lúc Ông đang xem tu□ng hát Our American Cousin trong r□p hát Ford's Theatre □ Washington. Th□ là con hydra l□i có c□ m□c đ□u l□i. Và đ□u nó m□c l□i th□t, vì dân v□n thích có ti□n vàng nên ti□n greenback m□t giá d□n d□n đ□i v□i đ□ng ti□n dollar vàng. Thì các nhà bank phát hành banknotes b□o đ□m tr□ l□i b□ng vàng. Dân chúng tin nên dùng nh□ng banknotes đó nh□ ti□n th□t, cho t□i năm 1913 thì m□t con hydra m□i xu□t hi□n nh□ lu□t Federal Reserve Act 1913.

III- Tân hydra chào đ□i.

H- : Tai sao có Lu□t đó?

Đ-: Vì năm 1907 x□y ra m□t cu□c "Kinh Kh□ng Tài Chánh" [a Financial Panic] nên năm 1908 T.T.Theodore Roosevelt (1901-1909), v□ T.T. th□ 26 c□a M□, cho thành l□p cái National Monetary Commission đ□ ch□nh đ□n v□n đ□ tài chánh. Ch□ t□ch c□a Commission đó là Ông Ngh□ Sĩ Nelson Aldrich [bên ngo□i c□a David Rockefeller Sr.]. Ông Aldrich d□n c□ commission đi tour sang Âu-châu đ□ nghiên c□u trong vòng hai năm. R□i khi tr□ v□, Ông l□p lên, m□t cách hòan tòan bí m□t, m□t nhóm b□ g□i là "The First Name Club" vì c□m tri□t đ□ không đ□□c nh□c t□i Last Name đ□ cho đ□y t□ và ng□□i làm, dù có nghe tr□m đ□□c cũng không bi□t là ai, đ□ nói l□i cho ng□□i ngoài và báo chí bi□t là có nh□ng ai. Nhóm đó g□m có m□t s□ ng□□i đ□□c ch□n l□c

r□t c□n th□n trong gi□i tài chánh và ngân hàng. Trong s□ đó ng□□i s□ đ□ng vai quan tr□ng nh□t là Ông Paul Warburg (1868-1932) ng□□i g□c Đ□c di c□ sang M□ năm 1904, đ□□c qu□c t□ch M□ năm 1911, và là thành viên c□a ngân hàng Kuhn, Loeb and Company Bankers □ New york [thu□c vào tài s□n c□a Rothschild].

“First Name Club” đ□□c tri□u tâp đ□n m□t hòn đ□o nh□ bé, riêng bi□t và v□ng v□ có tên là đ□o Jekyll Island, □ Georgia, h□p trong chín ngày liên ti□p, đ□ vi□t m□t d□ lu□t c□i t□ h□ th□ng nhà bank và lu□t pháp ti□n t□ [the banking and currency legislation] s□ trình cho Congress.

H-: Trong d□ lu□t có cái gì là đ□c bi□t?
Đ-: Có r□t nhi□u cái đ□c bi□t. Tr□□c h□t là cái tên: vì dân đã quá ghét. nên ph□i tránh cho k□ đ□□c c□m-t□ “Central Bank “ r□i ph□i làm sao cho dân t□□ng r□ng c□ quan này là c□a chánh ph□, do nhân viên chánh ph□ đi□u khi□n vì v□y mà có danh t□ “Federal” và “Reserve“ [ch□ không ph□i là Central Bank] và có Governing Board mà ông ch□ t□ch là do T.T. b□ nhi□m, và trong đó có hai nhân viên chánh ph□, mà trong th□c t□ thì Governing Board không có đi□u khi□n đ□□c chánh sách c□a c□ quan. R□i ph□i dùng nh□ng danh t□ m□ ám khó hi□u đ□ che gi□u th□c ý: nh□ trong L□i M□ Đ□u [Preamble] c□a d□ lu□t nói: M□c đích c□a lu□t là đ□ cho FED có th□ “cung c□p m□t th□ ti□n co dãn” [to furnish an elastic currency] nghĩa là gì?

Trong th□c t□ nghĩa là ti□n mà nhà bank đã có thì nhà bank có th□, tùy nghi, th□i ph□ng lên. R□i nh□ danh t□ “tái chi□t kh□u “[rediscounting] ngh□a là gì? Trong th□c t□ nghĩa là: m□t k□ thu□t cho phép nhà bank dùng đ□ tăng gia ti□n hi□n có trong qu□ c□a nó, b□ng cách cho vay thêm mà không c□n ch□ cho t□i khi các loan tr□□c h□t h□n. K□t qu□ là Lu□t cho phép m□t nhà bank trung □□ng t□ [a private central bank] t□o ra ti□n t□ chô không có gì h□t [create money out of nothing] r□i cho chánh ph□ vay s□ ti□n đó đ□ l□y l□i và ki□m soát s□ cung c□p ti□n cho qu□c gia b□ng cách bôm phòng nó lên hay hút b□t nó xu□ng tùy theo ý mu□n [control the national money supply, expanding or contracting it at will.]
H-: Th□ mà không có Ông Ngh□ sĩ hay Dân bi□u nào th□ y sao?
Đ-: Có ch□. m□t s□ th□y và la làng lên .Nh□ □ H□ Vi□n Dân Bi□u Charles Lindbergh Sr. [b□ c□a phi công tr□ danh Lindbergh] nói:” Lu□t t□o ra FED là m□t cái t□i pháp lu□t t□ h□i nh□t c□a m□i th□i đ□i H□ th□ng tài chánh đã b□ l□t l□i cho m□t nhóm ng□□i ch□ có bi□t l□i d□ng H□ th□ng là c□a t□-nhân, đ□□c h□□ng d□n v□ muc tiêu duy nh□t là l□y cho đ□□c nh□ng cái l□i t□i đa t□ vi□c x□ d□ng ti□n c□a ng□□i khác “.

Và cũng còn m□t s□ dân bi□u và ngh□ sĩ khác n□a la làng lên nh□ng h□ không đ□ đ□ đánh b□i s□ dân bi□u và ngh□ sĩ đã b□ mua chu□c, đúng nh□ l□i c□a m□t ng□□i trong nhóm Rothschild □ London nói v□i m□t h□i-viên c□a nhà bank □ New York ngày 25-th.6-1863 r□ng: “S□ nh□ ng□□i hi□u cái h□ th□ng là gì, thì, ho□c là vì th□y có l□i cho mình, ho□c là vì đã tùy thu□c vào nh□ng ân hu□ đang đ□□c h□□ng, nên s□ không có s□ ch□ng đ□i t□ nh□ng h□ng ng□□i đó. Còn nhóm đa s□ ng□□i không có đ□ trí khôn đ□ hi□u, thì s□ ch□u cái gánh n□ng mà không than phi□n”

B□i v□y cho nên ngày 18-th.9-1913, d□ lu□t đ□□c H□ Vi□n ch□p thu□n v□i 287 phi□u thu□n và 85 phi□u ch□ng, r□i lên Th□□ng Vi□n thì ngày 19-th.12-1913, d□ lu□t đ□□c ch□p thu□n v□i nhi□u s□a đ□i b□ng 54 phi□u thu□n và 34 phi□u ch□ng. Đ□n đây l□i có m□t vi□c l□ nh□t ch□a bao gi□ x□y ra trong l□ch s□ c□a HCQHK, là trong cái b□n văn c□a d□ lu□t □ H□ Vi□n có cho t□i 40 đi□m mà Th□□ng Viên không đ□ng ý nên đã s□a l□i. Thì sau khi Th□□ng Viên bi□u vquy□t, hai Vi□n ph□i

Tác Giả: B.S. Nguy□n L□u Viên
Thứ Sáu, 17 Tháng 7 Năm 2009 03:50

ng□i chung l□i đ□ s□a l□i sao cho c□ hai bên đ□u đ□ng ý. Th□ mà vi□c đó đ□□c th□c hi□n ch□ có trong m□t weelend. .Cho nên ngày Th□ Hai 22-th.12-1913 d□ lu□t đ□□c bi□u quy□t □ H□ Vi□n v□i 282 phi□u thu□n và 60 phi□u ch□ng r□i, cùng ngày, sang Th□□ng Vi□n đ□□c ch□p thu□n luôn v□i 43 phi□u thu□n và 23 phi□u ch□ng. Và T.T. Woodrow Wilson (1913-1921), v□ T.T.th□ 28 c□a M□ ký thành Lu□t ngày hôm sau Th□ Ba 23 th.12-1913.

T□t c□ nh□ng vi□c □y x□y ra m□t cách h□t s□c mau l□ và trái ng□□c v□i t□c l□ và truy□n th□ng c□a Qu□c H□i và c□a Chánh Ph□ M□ là không bao gi□ L□p Pháp Congress [Th□□ng và H□ Vi□n] th□o luân và bi□u quy□t m□t D□ Lu□t vào lúc g□n Noel, đ□ cho Congress “recess” [th□□ng th□□ng là k□ t□ 15, 17 Dec.] và các Ngh□ Sĩ và Dân Bi□u v□ quê c□a mình ăn m□ng Christmas và New Year, và không bao gi□ Hành Pháp [Chánh Ph□] ký m□t Đ□o Lu□t vào Noel đ□ cho T.T. v□ nhà riêng hay “ranch” c□a mình ăn m□ng Christmas và New Year. Th□ mà k□ này Th□□ng Viên h□p l□i, th□o lu□n, và bi□u quy□t ngày Th□ Sáu 19 Dec. R□i c□ hai vi□n làm vi□c v□i nhau weekend 20-21 Dec, đ□ ngày Th□ Hai 22-Dec c□ hai vi□n, h□p l□i, th□o lu□n và bi□u quy□t d□ lu□t, và ngày Th□ Ba 23 Dec. T.T. ký thành Lu□t.

Dân Bi□u Lindbergh nói □ H□ Vi□n: “D□ lu□t này thành lâp cái “trust” kh□ng l□ nh□t trên th□ gi□i. Khi mà T.T. ký cái d□ lu□t này (thành Lu□t), thì cái chánh ph□ vô hình c□a Mãnh L□c Ti□n T□ s□ đ□□c h□p-pháp-hóa. Dân chúng có th□ không bi□t chuy□n đó ngay, nh□ng mà r□i s□ bi□t đ□□c chuy□n ch□ đ□□c d□i l□i vài năm sau mà thôi”. Trong lúc đó thì báo chí [đã □ trong tay c□a “Mãnh L□c Ti□n T□”] thì ca t□ng h□t l□i. Báo New York Times vi□t b□ng ch□ l□n □ trang đ□u: “T□ng Th□ng Wilson ký D□ Lu□t Ti□n T□ S□ ph□n th□nh đ□□c t□ do và s□ giúp m□i giai câp.
H-: Th□ là con hydra đ□□c khai sanh là đ□a con h□p pháp c□a HCQHK đ□ l□n lên v□i đ□t n□□c?
Đ-: Hay đúng h□n thì ph□i nói “đ□ l□n lên v□i đ□a em song thai”.
H-: Nói gì l□ vây, đ□a em song-thai nào?
Đ-: Khi nhóm c□a Ngh□ Sĩ Nelson Aldrich có Ông Paul Warburg chu□n b□ vi□t d□ lu□t FED đ□ trình cho Congress, h□ đã tiên đóan r□ng v□i s□ áp d□ng lu□t này thì CPLB s□ m□c n□ FED càng ngày càng nhi□u nên ph□i tím cách làm sao cho phép chánh ph□ đánh thu□ vào dân đ□ có ti□n tr□ n□ cho FED. thì h□ kèm theo d□ lu□t FED m□t Tu-Ch□nh Hi□n Pháp [là the Sixteenth Amendment] cho phép CPLB đánh thu□ income tax vào dân. Lúc □y b□n văn c□a Tu-Ch□nh ch□ có m□t trang gi□y và nguyên B□ Lu□t v□ thu□ má ch□ có14 trang mà bây gi□ thì nó dày đ□n 17,000 trang, cũng nh□ n□ c□a chánh ph□ do FED gây ra l□n lên t□ s□ không cho t□i bây gi□ là $8.5 trillion.
H-: B□ tr□□c đó dân không ph□i đóng income tax cho CPLB sao?
Đ-: Không, tr□□c 1913, dân ch□ đóng thu□ income cho Ti□u Bang c□a mình mà thôi.
H-: Đã đ□□c h□p-pháp-hóa r□i, con hydra còn phá phách gì n□a không?
Đ-: Nói là phá phách thì không h□n là phá phách, nh□ng khi đ□□c h□p-pháp-hóa r□i thì FED ho□t đ□ng tích c□c h□n, nên gây tai n□n cho dân.
H-: Tai n□n gì?
Đ-: Cu□c Đ□i Kh□ng Ho□ng [The Great Depression] năm 1930.
H-: B□ng cách nào?
Đ-: B□ng cách t□o ra ti□n “out of nothing” qua trò □o-thu□t “loan”. Đ□ khuy□n khích dân vay ti□n, nên FED h□ th□p bách phân l□i [% interest] thì dân ùn ùn vay loan và loan đ□ có ti□n tiêu xài th□ ga. Thì nhà bank th□y vào n□n kinh t□ qu□c gia m□t s□ ti□n kh□ng l□, t□o ra m□t cu□c l□m phát [inflation]. R□i nói là đ□ k□m h□m s□ l□m phát, thì l□i si□t ch□t vi□c cung c□p ti□n, thu h□i các loan đ□ phát ra, không cho vay loan m□i, thì dân thi□u n□ ph□i v□i vàng bán nhà c□a ru□ng đ□t

đ□ tr□ n□, nên nh□ng ng□□i có liên h□ v□i "Mãnh L□c Ti□n T□ [Monetary Power] có ti□n mua nh□ng b□t đ□ng s□n □y v□i giá r□ m□t. Còn con cháu nh□ng ng□□i thi□u n□ thì tr□ nên vô gia c□ vô ngh□ nghi□p đi lang thang th□t th□u ngoài đ□□ng nh□ h□i M□ còn là 13 thu□c đ□a d□□i th□i các vua George II và vua George III, tr□□c ngày Cách M□ng M□ [American Revolution] năm 1774. Nh□ng nh□ chánh sách "New Deal" c□a T.T.Franklin D.Roosevelt (1933-1945) v□ T.T. th□ 32 c□a M□, và vi□c l□p lên cái FDIC [Federal Deposit Insurance Corporation] mà tình th□ tr□ l□i yên □n. Giáo s□ Milton Friedman, Nobel Prize v□ kinh t□, vi□t: "Nh□t đ□nh là FED đã gây ra cu□c Đ□i Kh□ng Ho□ng vì thu rút l□i m□t ph□n ba [1/3] s□ ti□n đang l□u hành.t□ năm 1929 t□i năm 1930".

Còn Ông Louis T. McFadden Ch□ t□ch The House Banking and Currency Commttee, thì nói: "Cu□c kh□ng ho□ng không ph□i là b□t ng□ ng□u nhiên mà là m□t vi□c đ□□c trù li□u r□t c□n th□n … Nh□ng ch□ nhà bank qu□c t□ tìm cách đem đ□n đây s□ th□t v□ng đ□ r□i h□ có th□ tr□ thành nh□ng k□ ra l□nh cho t□t c□ chúng ta"
H-: Th□ r□i k□ t□ đó không có Ông T.T. nào dám đ□ng t□i FED n□a?
Đ-: Có ch□, T.T. John F. Kennedy, (1961-1963) v□ T.T. th□ 35 c□a M□. Ngày 4-th.6-1963 T.T. Kennedy ký m□t Hành Pháp L□nh [an Executive Order s□ 11110] cho phép CPLB phát hành ti□n mà không ph□i qua FED b□ng cách cho phép B□ Tài Chành The Treasury phát hành nh□ng gi□y ch□ng nh□n b□c đ□i v□i m□i thoi b□c, b□c, hay là m□i dollar d□a trên b□n v□ b□c c□a B□ [the power to issue silver certificates against any silver bullion, silver or standard silver dollars in the Treasury] Nghĩa là m□t khi B□ Tài Chánh có trong kho m□t ounce b□c nào, thì B□ có quy□n phát hành ra m□t gi□y b□c đ□ l□u hành trong n□n kinh t□. Nh□ v□y T.T.Kennedy đã tung ra $4.3 t□ dollars cho l□u hành. Thì FED bank c□a New York s□ phá s□n, vì dân chúng bi□t r□ng các gi□y ch□ng nh□n b□c [silver certificates] c□a Chánh Ph□ đ□□c b□c y□m tr□ [backed by silver] ch□ gi□y b□c c□a FED [Federal Reserve Notes] không có cái gì y□m tr□ h□t. L□nh s□ 11110 nói trên còn giúp chánh ph□ tr□ h□t n□ c□a mình mà không ph□i qua FED đ□ tr□ ti□n l□i, do FED t□o ra ti□n out of nothing. T□c là trên th□c t□ L□nh sô 11110 cho CPLB quy□n t□o ra ti□n c□a mình có b□c y□m tr□, đúng theo Đi□u I, Ph□n 8 c□a Hi□n Pháp Hoa K□.
Năm tháng sau, ngày 22-th.11-1963, T.T.Kennedy b□ tên Lee Harvey Oswald ám sát và tên này hai ngày sau b□ Jack Ruby (Rubenstein) gi□t ch□t trong Dallas Police Station.
H-: Nh□ th□ thì ph□i chăng là m□t nhóm tài phi□t cai tr□ x□ này vì ng□□i ta hay nói: "Ai n□m đ□□c ti□n là n□m đ□□c quy□n" ph□i không?
Đ-: Tôi không dám tr□ l□i là ph□i hay là không [yes or no] vì tôi không đ□c đ□□c sách nào nói rõ là đã có m□t tòa án nào k□t án m□t ng□□i nào trong gi□i Mãnh L□c Ti□n T□ [the Monetary Power] hay m□t v□ nào trong nhóm nh□ng Nam T□□c Tr□m C□p [the Robber Barons] v□ t□i dùng ti□n c□a mình mua đ□□c quy□n th□. Cho nên tôi xin đ□ cho quý b□n đ□c m□i ng□□i k□t lu□n theo ý ki□n c□a mình.

Tôi ch□ xin phép nh□c l□i l□i nói c□a Ông Nathan Rothschild h□i năm 1838: "Đ□ cho tôi phát hành và ki□m soát ti□n c□a m□t qu□c gia, thì tôi cóc c□n bi□t ai vi□t lu□t pháp", và tôi cũng xin phép nh□c l□i s□ ph□n c□a nh□ng v□ T□ng Th□ng đã có gan dám ch□t đ□u con hydra ti□n t□: T.T.Andrew Jackson b□ m□u sát, T.T.Abraham Lincoln và T.T.John F.Kennedy b□ ám sát.

Tài li□u đ□□c tham kh□o:

□The Web of Debt by Ellen Hodgson Brown, nxb Third Millennium, Baton Rouge, 2007
http://www.webofdebt.com

The Secrets of the Federal Reserve by Eustace Mullins nxb Bankers Research Institute Staunton, 1993
Modern Money Mechanics published by the Federal Reserve Bank of Chicago, now out of print: http://landru.i-link-2.net
The Federal Reserve is a privately owned corporation by Thomas D. Schauf. 11-28-98 in http://www.apfn.org/

□Hydra tiên t□ trên tr□□ng qu□c t□.
□□□ *L□i nói đ□u:*
Trong bài "L□n theo mê-l□ có đ□□ng h□m c□a H□ Th□ng Ti□n T□ M□,□ chúng ta đã th□y con hydra ti□n t□ M□ có tên là Federal Reserve [FED]ho□t đ□ng nh□ th□ nào□ trên đ□t Hi□p Ch□ng Qu□c Hoa K□ [HCQHK]. Hôm nay chúng ta s□ c□ găng tìm xem có con Hydra ti□n t□ nào ho□t đ□ng nh□ th□ trên tr□□ng qu□c t□ hay không?
Nh□c l□i m□t s□ ki□n l□ch s□:
Ngày 18-th.6-1815, cu□c chi□n t□i Waterloo đang di□n ti□n, ông Nathan Rothschild, lúc đó đang là m□t trong s□ nh□ng ch□ ngân hàng l□n nh□t c□a London, n□m đ□□c tin Hoàng Đ□ Napoléon s□ đ□i b□i tr□□c nhà c□m quy□n Anh 24 ti□ng đ□ng h□. Ông Rothschild li□n tung tin nói r□ng Napoléon s□ đ□i th□ng. Giá c□ phi□u trên tòan b□ th□ tr□□ng ch□ng khóan l□p t□c tu□t xu□ng t□n đáy. Thì Ông Nathan Rothschild li□n tay mua gom, vét h□t, các c□ phi□u v□i giá r□ m□t. Cu□i cùng khi chi□n th□ng c□a T□□ng Wellington đ□□c lan truy□n kh□p th□ đô London thì giá các c□ phi□u l□i tăng v□t lên. Th□ trong vài gi□, Ông Nathan Rothschild l□i tung các c□ phi□u này bán l□i, và thu đ□□c nh□ng kho□n chênh l□ch k□ch xù.
Đó là chuy□n th□i x□a. Bây gi□ chúng ta hãy xem xét chuy□n th□i nay.

Th□a Hi□p Bretton Woods. [The Bretton Woods Accords]
Báo chí th□□ng hay nh□c t□i c□m t□ Bretton Woods. V□y nó là gì, □ đâu? Tra T□-đi□n Webster m□i bi□t đó là tên c□a m□t n□i nghĩ mát [resort] trong núi White Mountains □ Ti□u-Bang New Hampshire. Xem b□n đ□ Ti□u Bang m□i th□y nò nhõ xíu n□m trên đ□□ng 320 □ gi□a hai thành ph□ nh□ Twin Mountain và Crawford House. Th□ mà năm 1944, tr□□c khi Đ□ Nh□ Th□ Chi□n ch□m d□t năm 1945, nó đ□□c ch□n [theo ý c□a Ô. David Rockefeller] làm đ□a đi□m h□i h□p cho m□t H□i Ngh□ Qu□c T□ v□ Ti□n T□. Hai ng□□i đóng vai chánh trong H□i Ngh□ là kinh-t□-gia Anh danh ti□ng qu□c t□ John Maynard Keynes và Th□ Tr□□ng Tài Chánh M□ Harry Dexter White. H□i ngh□ đ□a đ□n m□t th□a hi□p đ□□c g□i là Th□a Hi□p Bretton Woods [the Bretton Woods Accords] Theo Th□a Hi□p này thì b□n-v□ vàng [the gold standard] v□n đ□□c gi□ và đ□□c đ□ng dollar y□m tr□ [backed by the US dollar] vì đ□ng dollar đ□□c coi là "t□t nh□ vàng" [as good as gold] và M□ cam k□t s□ có th□ đ□i [convertibility] d□ng dollar ra vàng theo giá $35 dollars m□t ounce vàng. B□n v□ vàng c□a Bretton Woods [the Bretton Woods gold standard] "ch□y đ□u" đ□□c m□t th□i gian, vì ít có n□□c nào đ□i dollars c□a mình ra vàng, và ng□□i ta còn tin t□□ng n□i kh□ năng tr□ đ□□c [solvency] c□a Hoa K□.
Nh□ng k□ t□ năm 1965 chi□n tranh Vi□tNam đã kéo n□□c M□ vào vòng xo□n c□a n□ n□n [the spiral of debt] thì T.T. De Gaulle c□a Pháp, nh□n th□y M□ tiêu xài quá cái m□c vàng đ□□c d□ tr□, nên đòi M□ ph□i tr□ l□i cho Pháp s□ vàng t□□ng đ□□ng v□i $300 tri□u dollars mà Pháp đang có. M□ làm đúng theo l□i yêu c□u c□a De Gaulle. Nh□ng kho d□ tr□ vàng c□a M□ b□ "x□p" đ□n n□i mà năm 1971 T.T.Nixon ph□i rút dollar ra kh□i b□n-v□ vàng [took the dollar off the gold standard] và h□y b□ luôn vi□c đ□i dollar ra vàng. Thì các ngân hàng t□ nhân và FED l□i có d□p

d□ l□i cái trò □o-thu□t "loan" đ□ "create money out of nothing".
R□i l□i thêm m□t trò □o-thu□t m□i n□a đ□□c g□i là "short selling" là m□t th□ "m□□n đ□u heo n□u cháo" d□a trên hai nguyên t□c căn b□n c□a "Kinh T□ Th□ Tr□□ng" là: 1- Lu□t cung c□u: H□ cung [offre] mà nhi□u h□n c□u [demande] thì giá hàng xu□ng, và h□ cung mà ít h□n c□u thì giá hàng tăng lên. 2- m□c đích ho□t đ□ng c□a m□t công-ty là làm sao cho có l□i có l□i cho ng□□i có c□ ph□n [shareholder] và ý mu□n c□a ng□□i [hay c□a nhóm ng□□i] n□m đa s□ c□ ph□n là "ý mu□n c□a vua" giám đ□c công ty ph□i tuân theo.
Và đây là l□i hành đ□ng c□a "short selling". Thí d□ nh□ tôi đã nghiên c□u và khám phá ra đ□□c m□t l□i ch□ t□o m□t món hàng mà tôi cho r□ng s□ đ□□c dân chúng thích, thì tôi ph□i d□ng lên m□t công ty đ□ s□n xu□t món hàng đó; nh□ng vì không có đ□ ti□n nên tôi ph□i kêu g□i ng□□i ngoài hùn v□n b□ng cách "bán c□ ph□n" thí d□ nh□ tung ra m□t tri□u c□ ph□n, m□i c□ ph□n giá là $50 dollars. Nh□ có nhi□u ng□□i h□□ng □ng vì th□y món hàng t□t s□ đ□□c dân mua dùng, nên ng□□i thì mua vài ch□c, k□ thì mua vài trăm, có khi m□t mhóm kinh doanh mua vài ngàn c□ ph□n. nên tôi có đ□□c 50 tri□u dollars đ□ d□ng lên "Công ty V"có nhà máy s□n xu□t, có c□ s□ giao d□ch, có văn phòng, v.v… Nh□ hàng t□t dân chúng thích, mua nhi□u, nên "Công-ty V" phát đ□t. Giá tr□ c□a c□ ph□n công ty m□i ngày m□t tăng. lên t□i thí d□ nh□ $70 dollars m□i c□ ph□n. Th□□ng th□□ng ng□□i mu□n mua c□ ph□n là mua qua m□t môi-gi□i ["broker"] và g□i gi□y s□ c□ ph□n đó cho "broker" gi□, ch□ đâu có đem v□ nhà. M□t ông ch□ nhà bank B, th□y "Công ty V" phát đ□t nên mu□n chi□m l□y nó. Thì □ng [là "b□ tèo"có khi là ch□ nhân th□t c□a tên broker] đ□n "m□□n" m□t s□ X c□ ph□n c□a "Công ty V" và tung s□ đó ra càng ngày càng nhi□u vào th□ tr□□ng... Thì trên th□ tr□□ng s□ cung [c□a c□ ph□n "Công ty V"] càng ngày càng tăng, mà s□ c□u thì có h□n, nên giá c□a c□ ph□n càng ngày càng xu□ng. Nh ng ng□□i □ n□i khác có c□ ph□n "Công ty V" th□y giá c□ ph□n xu□ng li□n li□n, th□ v□i vã bi□u broker c□a mình bán mau mau c□ ph□n "Công ty V" c□a mình, thì trên th□ tr□□ng tràng ng□p c□ ph□n "Công ty V" v□i giá r□, thí d□ nh□ chĩ còn có $25 dollars m□i c□ ph□n. Thì Ông B l□y ti□n c□a nhà bank mình qu□ [rafler] h□t các c□ ph□n "Công ty V" có trên th□ tr□□ng. Ông tr□ l□i cho broker "b□ tèo" c□a □ng s□ X c□ ph□n mà □ng đã "m□□n". Còn ph□n Y còn l□i thì □ng gi□ nh□ là c□a. riêng c□a ngân hàng B.
Bây gi□ ông B có th□ có hai quy□t đ□nh: M□t là đ□ cho "Công ty V" v□n s□ng, thì □ng b□t h□n s□ cung [bán ra] c□ ph□n Công ty V trên th□ tr□□ng làm cho giá c□a nó tăng lên tr□ l□i đ□ đem cái l□i cái l□i v□ cho các ch□ c□ ph□n [mà chính ngân hàng B đ□□c h□□ng th□ nhi□u nh□t vì là n□m đa s□ c□ ph□n]
Hai là □ng có th□ gi□t ch□t luôn Công ty V, vì trong h□i ngh□ h□ng năm, hay h□ng tam cá nguy□t c□a công ty, "ý mu□n c□a ng□□i có đa s□ c□ ph□n là ý mu□n c□a vua" nên □ng quy□t đ□nh d□p b□ công ty vì quá l□ lã. bán mau mau v□i giá r□, t□t c□ máy móc c□ s□ c□a công ty [không còn tên trong danh sách các c□ s□], thì m□t "b□ tèo" hay m□t "tay sai" c□a □ng mua h□t máy móc d□ng c□ c□ s□ đó, đ□ d□ng lên m□t Công ty m□i có tên khác, s□n xu□t cùng m□t th□ hàng mà dân đã thích mua. Còn tôi, ng□□i tìm ra ph□□ng pháp ch□ t□o hàng thì đ□□c m□□n □ l□i làm công nh□ m□t k□-s□ chuyên môn, hay là b□ đu□i đi. Th□ là "Công ty V" mà trong bao nhiêu năm tôi đã t□n không bi□t bao nhiêu thì gi□ và công khó nh□c đ□ nghiên c□u, suy nghĩ, th□ đi th□ l□i m□i ch□ t□o ra đ□□c món hàng đ□□c dân □a thích và t□o d□ng lên đ□□c m□t c□ s□ mà tôi l□y làm hãnh di□n, trong ch□c lát, đã b□ nhà bank B nu□t h□t, nh□ cái trò □o thu□t "short selling"
Trên bình di□n qu□c t□, n□u có m□t t□ ch□c nào m□nh và giàu, đem áp d□ng trò □o-thu□t "short selling" đó vào m□t qu□c gia y□u và nghèo, thì c□ h□ th□ng kinh t□ và h□ th□ng k□ ngh□ còn non n□t c□a qu□c gia □y, s□ b□ "nu□t" m□t h□t …….Mà t□ ch□c m□nh và giàu đó đã có r□i ……..Đ□y là :.
IMF & World Bank. Ngoài vi□c đ□a đ□n m□t Th□a Hi□p, h□i ngh□ □ Bretton Woods nói trên còn

đ□ ra đ□□c hai con hydra kh□ng l□ là:
IMF [the International Monetary Fund Qu□ Ti□n T□ Qu□c T□] và World Bank [the International Bank for Reconstruction and Development Ngân Hàng Qu□c T□] Nói là đ□ giúp Đ□ Tam Th□ Gi□i [the Third World] và các qu□c gia đã b□ chi□n tranh tàn phá. Nh□ng trên th□c t□ thì khác h□n, vì IMF và World Bank s□ áp d□ng cho Đ□ tam Th□ Gi□i hai trò □o-thu□t "loan" và "short selling" c□ng v□i hai quan ni□m "cho ch□c ăn" r□t đ□c bi□t nh□ sau:
1- Đ□ "cho ch□c ăn", các nhà bank thích "ch□i" v□i các chánh ph□ "v□ng ch□c", nghĩa thông th□□ng là các chánh ph□ đ□c tài [The banks preferred "stable" governments for clients. Generally that meant governments controlled by dictators. Theo sách: "The Web of Debt" tr.215]]. Còn t□ đâu các nhà đ□c tài đó có đ□□c quy□n hành và h□ làm gì v□i ti□n, thì không ph□i là m□i lo c□a các ngân hàng. Cho nên m□t s□ qu□c gia □ Nam-M□ d□□c thí nghi□m. □ ChíL□i, ngày 11-th.9-1973 TT... Salvador Allende, m□t v□ t□ng th□ng đ□□c dân b□u m□t cách dân ch□, b□ T□□ng Augusto Pinochet đ□o chánh. □ Peru chánh ph□ bình dân [populist] c□a T.T. Alan Garcia b□ cho vào "s□ đen"[black list] c□a IMF, nên ngày 28-th.7-1990 thì b□ chánh ph□ c□a T.T. Alberto Fujimori thay th□ đ□ áp d□ng cái g□i là "economic shock therapy" c□a IMF. R□i đ□n Argentina, các cu□c đ□o chánh do b□n "Chicago Boys" gây ra.
2- Đ□ "cho ch□c ăn" các th□ ti□n vi□n tr□ cho y-t□, cho giáo-d□c, cho s□c kh□e trong các qu□c gia m□c n□ ph□i b□ b□ đi, theo l□nh c□a IMF, đ□ cho các nhà bank đ□□c tr□ n□ đúng k□ [Public spending for health, education and welfare in debtor countries was slashed, following IMF orders to ensure that the banks got timely debt service on their petrodollars..Theo sách:"The Web of Debt" tr.215.] Cho nên trong các qu□c gia có nh□n vi□n tr□ c□a IMF,[nh□ Bengladesh, Bolivia, Brazil, Peru Ethiopia, Somalia, Uganda, Vi□t Nam và m□t s□ qu□c gia trong kh□i Liên Bang Soviet URSS c□], con nít đi h□c ph□i tr□ ti□n, ng□□i đau □m vào b□nh vi□n ph□i tr□ tiên, ch□ không còn đ□□c mi□n phí nh□ tr□□c. K□t qu□ là □ trong đa s□ các qu□c gia □y [trong đó có VN th□i "bao c□p"] n□n giáo d□c b□ phá tan [Destruction of Education], h□ th□ng b□o v□ s□c kh□e b□ s□p đ□ [Collapse of the Health System], thì các b□nh nhi□m trùng tái phát [Resurgence of Infectious Diseases].

Riêng □ Vi□t Nam còn có m□t chuy□n l□ n□a mà mình không bi□t là: sau khi CS B□c Vi□t chi□n th□ng, thì IMF đòi Hàn□i ph□i tr□ m□t s□ ti□n $140 tri□u dollars mà Chánh Ph□ Saigon [VNCH] h□i tr□□c còn n□ IMF, r□i IMF m□i giúp. Thì Hàn□i ph□i ch□u và may cho Hàn□i, là Pháp v□i Nh□t l□p lên m□t "□y Ban B□n c□a VN" [Friends of VN Committee] cho Hàn□i m□□n s□ ti□n đó đ□ tr□ cho IMF.
Ngoài các tai h□i v□ y t□ và giáo d□c nói trên, IMF còn gây ra nhi□u tai h□a khác đ□c ác h□n n□a, nh□ đem n□□c sông vào ru□ng đ□ cày c□y mà ph□i tr□ ti□n n□□c [□ Bolivia Nam M□] n□n đói [nh□ □ Somalia, Ethiopia] n□n thi□u dinh d□□ng [□ cùng hêt] n□n thi□u an ninh, l□an vì bi□u tình ch□ng đ□i và đàn áp [□ cùng h□t], n□n n□i chi□n vì ch□ng t□c [nh□ □ Uganda] có th□ đ□a đ□n n□n di□t ch□ng [nh□ □ Rwanda] ,v.v. mà các sách tôi đã tham kh□o di□n t□ r□t đ□y đ□ trong vài ba trăm trang. T□t c□ vi□c đó x□y ra sau khi áp d□ng cái đ□□c g□i là " IMF shock therapy" v□i "privatization" [t□-h□u-hóa], v□i "deregulation" [b□ lu□t l□ ràng bu□c] đ□ "giúp đ□", đ□ "khuy□n khích" đ□ "ch□ d□n" cho dân đ□a ph□□ng. Luôn luôn, d□□i chiêu bài là "đ□ th□c hi□n dân ch□", " đ□ gia nh□p kinh t□ th□ tr□□ng" và đ□ xây d□ng m□t "N□n Tr□t T□ M□i"[a New World Order].

Riêng Vi□t Nam thì không b□ nh□ng tai h□a □y, nh□ chính sách "Đ□i M□i" bi□n h□n hai tri□u "th□ng ng□y" đã hèn nhát b□ tr□n ra n□□c ngoài, tr□ thành nh□ng ki□u bào h□i ngo□i yêu quý, "khúc ru□t xa ngàn d□m" c□a dân t□c, đ□□c ân c□n m□i đi nhũng tours du l□ch v□ VN, đ□ đ□ vào

n□n kinh t□ c□a quê h□□ng h□ng năm m□t hai t□, r□i ba b□n t□, r□i năm sáu t□ dollars. Nh□ s□ ti□n đó, vì không ph□i c□a IMF cho m□□n, thì không b□ lu□t l□ c□a ch□ n□ ràng bu□c, cho nên t□t c□ các c□ quan nghiên c□u qu□c t□ đ□c l□p đ□u công khai công nh□n là VN ti□n b□, có m□t n□n kinh t□ v□ng ch□c, m□t h□ th□ng c□ s□ căn b□n [infrastructure] t□t, đ□ng hàng đ□u trong vi□c ch□ng n□n nghèo [against poverty], trong vi□c ch□ng n□n th□t h□c [against illiteracy] và trong s□ 20 qu□c gia có s□ l□□ng Internet nhiều nh□t trên th□ gi□i VN đ□ng hàng th□ 16 v□i s□ 16,500,000 máy [trên Turkey th□ 17 v□i 16,000,000 máy, trên Australia th□ 18, v□i 15,085,000 máy,trên Taiwan th□ 19 v□i14.500.000 máy và Philippines th□ 20 v□i 14,000,000 máy]. VN có m□t dân s□ h□n 83 tri□u ng□□i, t□c là t□ l□ ng□□i dùmg Internet □ VN là 19,40% cũng là đ□ng hàng th□ 16 [tr□□c PhiLu□tTân th□ 17 v□i 16,00%, tr□□c Trung Qu□c th□ 18 v□i 12,30%, tr□□c Indonesia th□ 19 v□i 8,90% và tr□□c India th□ 20 /3.70%]